

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 155/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 12 năm 2023
V/v “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thanh
2. Ông Ngô Phúc

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 286/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2023 về “tranh chấp Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Diễm H**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: **ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.**

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Đức A**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: **khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang**

(Nguyên đơn bà **H** và ông **A** cùng có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà **Bùi Thị Diễm H** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: ông bà tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 23/7/2019 tại **UBND thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang**. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian sau đó đến tháng 8/2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống,

ông A ăn chơi, không lo làm ăn. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông A không sửa đổi. Nhận thấy, vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông A.

- Về con chung: ông bà có 01 con chung Nguyễn Bùi Gia H1, sinh ngày 19/7/2019, bà yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đức A1 có ý kiến.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H do quen biết sau đó tự nguyện tiến đến hôn nhân chung sống với nhau từ năm 2017, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 23/7/2019 tại UBND thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: Nguyễn Bùi Gia H1, sinh ngày 19/7/2019, đồng ý để bà H nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà H và ông A1 vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Bùi Thị Diễm H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đức A, ông An cư t tại khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý về tranh chấp ly hôn và giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Bùi Thị Diễm H có đơn xin vắng mặt 13/11/2023; bị đơn ông Nguyễn Đức A đã cung cấp lời khai và có yêu cầu vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn bà H, bị đơn ông A.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông A tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 23/7/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân chung theo ông bà là do bất đồng quan điểm sống, cả hai đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, nên qua yêu cầu ly hôn của bà H thì ông A đồng ý.

[2.2]. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau,

tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc. Mặc dù được hòa giải, động viên cả hai đều không đồng ý tạo thêm cơ hội hàn gắn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **Bùi Thị Diễm H** được ly hôn với ông **Nguyễn Đức A**.

[2.3]. Về con chung: Bà **Bùi Thị Diễm H** và ông **Nguyễn Đức A** có 01 con chung **Nguyễn Bùi Gia H1**, sinh ngày 19/7/2019. Bà **H** và ông **A** thỏa thuận để bà **H** tiếp tục nuôi dưỡng cháu, do hiện nay cháu cũng đang sống với bà **H**. Xét thấy, để ổn định về mọi mặt của cháu **H1**, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận giao quyền cho bà **H** được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4]. Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi. Tuy nhiên, bà **H** không yêu cầu ông **A** cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà **Bùi Thị Diễm H** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông **Nguyễn Đức A** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con không cố định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Bùi Thị Diễm H** và ông **Nguyễn Đức A** thống nhất về tài sản chung và nợ chung ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này ông bà có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Bà **Bùi Thị Diễm H** phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều

273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà **Bùi Thị Diễm H** được ly hôn ông **Nguyễn Đức A**.

2. Về con chung: Bà **Bùi Thị Diễm H** được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Bùi Gia Hân, sinh ngày 19/7/2019.

Ông **Nguyễn Đức A** không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà **Bùi Thị Diễm H** không yêu cầu.

Bà **Bùi Thị Diễm H** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông **Nguyễn Đức A** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con không cố định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà **Bùi Thị Diễm H** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004496, ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà **H** đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà **Bùi Thị Diễm H**, bị đơn ông **Nguyễn Đức A** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND H. Châu Thành
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Xuân Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị H2

